

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2021  
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022)**

**Kính thưa: - Đoàn Chủ tịch Đại hội!**

**-Kính thưa Quý vị Cổ đông!**

Được sự phân công của Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin phép được trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2021 với những nội dung cụ thể sau:

Kính thưa Đại hội! Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của công ty đã thống nhất ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 của công ty là Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Qua kiểm toán cho năm tài chính 2021 của Công ty. Công ty Kiểm toán có ý kiến về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty như sau:



Số: 106/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình được lập ngày 10/3/2022, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Minh', written over a horizontal line.

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Khánh Minh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>18.327.263.709</b>	<b>19.633.449.547</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>37.527.557</b>	<b>29.694.884</b>
1.	Tiền	111		37.527.557	29.694.884
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.323.570.545</b>	<b>4.549.460.271</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.214.349.435	4.762.826.846
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	22.000.000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	430.533.710	85.946.025
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(321.312.600)	(321.312.600)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>13.960.213.630</b>	<b>15.054.294.392</b>
1.	Hàng tồn kho	141		13.960.213.630	15.054.294.392
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.951.977</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.315.003	-
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	4.636.974	-
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+260)	<b>200</b>		<b>6.614.781.348</b>	<b>7.646.112.096</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.562.116.239</b>	<b>7.519.412.544</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.562.116.239	7.519.412.544
-	Nguyên giá	222		65.212.882.667	65.129.882.667
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.650.766.428)	(57.610.470.123)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
-	Nguyên giá	228		33.500.000	33.500.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.500.000)	(33.500.000)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>781.108.804</b>	<b>99.120.542</b>
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.108.804	99.120.542
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>271.556.305</b>	<b>27.579.010</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	271.556.305	27.579.010
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)		<b>270</b>		<b>24.942.045.057</b>	<b>27.279.561.643</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>4.913.904.401</b>	<b>7.363.901.282</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.913.904.401</b>	<b>7.363.901.282</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.208.513.934	1.960.236.350
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	604.531.241	315.245.814
3. Phải trả người lao động	314		683.891.139	743.707.767
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	40.000.000	115.587.385
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	509.743.421	461.499.300
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	-	2.852.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		867.224.666	915.624.666
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>20.028.140.656</b>	<b>19.915.660.361</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>20.028.140.656</b>	<b>19.915.660.361</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.102.800.000	15.102.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		15.102.800.000	15.102.800.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.125.670.663	1.125.670.663
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.485.918.238	3.485.918.238
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		313.751.755	201.271.460
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		201.271.460	2.263.985.634
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		112.480.295	(2.062.714.174)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>24.942.045.057</b>	<b>27.279.561.643</b>

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan

Thái Bình, ngày 10 tháng 3 năm 2022  
Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hết

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	18.083.571.966	20.497.551.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		18.083.571.966	20.497.551.691
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	14.137.674.310	18.110.958.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.945.897.656	2.386.593.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	212.282	10.399.496
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.286.958	195.193.701
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.286.958	195.193.701
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	423.303
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.864.149.966	4.355.188.374
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		68.673.014	(2.153.812.738)
11. Thu nhập khác	31	6.6	48.000.003	101.054.184
12. Chi phí khác	32	6.6	4.192.722	9.955.620
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	43.807.281	91.098.564
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		112.480.295	(2.062.714.174)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		112.480.295	(2.062.714.174)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	74,48	(1.365,78)

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan

Thái Bình, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc




Phạm Văn Hệ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20.532.730.944	23.161.106.128
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(7.146.213.958)	(13.904.650.929)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.177.878.295)	(7.493.790.764)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(88.874.725)	(119.605.934)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		980.095.586	903.356.700
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.481.695.683)	(3.445.546.926)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.618.163.869</b>	<b>(899.131.725)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(758.543.478)	(888.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	13.636.363
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		212.282	240.660.683
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(758.331.196)</b>	<b>3.666.297.046</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.290.000.000	7.550.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.142.000.000)	(16.395.373.158)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.852.000.000)</b>	<b>(8.845.373.158)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.832.673</b>	<b>(6.078.207.837)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.694.884	6.107.902.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>37.527.557</b>	<b>29.694.884</b>

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan

Thái Bình, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hết

Trên đây là toàn bộ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2021. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo!

Kính chúc sức khỏe các cổ đông về dự Đại hội hôm nay.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN THỊ LAN**